

LF	Rank	Multiple	Current	Future
6	2.5	25	VH	VH
67	2.5	25	VH	VH
68	2.5	25	VH	VH
69	2.5	25	VH	VH
3	5.0	15	M	VH
1	8.5	12	M	H
9	8.5	12	M	H
11	8.5	12	M	H
36	8.5	12	M	H
37	8.5	12	M	H
50	8.5	12	M	H
70	12.0	6	L	M
2	13.5	4	L	L
5	13.5	4	L	L
7	17.0	2	VL	L
8	17.0	2	VL	L
21	17.0	2	VL	L
38	17.0	2	VL	L
39	17.0	2	VL	L
20	21.0	1	VL	VL
32	21.0	1	VL	VL
34	21.0	1	VL	VL